TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 23 - 02 - 2023
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Huệ

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lâm Ngọc Hà

Ông Trương Thoại Lượng

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Tú Lệ, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Mộng Kiều - Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 197/2022/TLST-HNGĐ, ngày 24 tháng 11 năm 2022 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 01 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Kim Thị Đ, sinh năm 19xx

Địa chỉ thường trú: Số T1 ấp T2, xã LH, thị xã VT, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- *Bị đơn*: Ông Kim Hoàng Th, sinh năm 19xx

Địa chỉ thường trú: Số nhà A ấp B, xã PT, huyện CT, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện ngày 08 tháng 11 năm 2022 của nguyên đơn là bà Kim Thị Đ và một số lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn trình bày:

Nguyên đơn Kim Thị Đ và bị đơn là ông Kim Hoàng Th tự nguyện sống chung với nhau như vợ chồng và có đăng ký kết hôn vào ngày 04 tháng 12 năm 2012, tại Ủy ban nhân dân xã LH, thị xã VC, tỉnh Sóc Trăng. Thời gian đầu chung sống rất yên ổn, nhưng được một thời gian vợ phát sinh nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm trong lối sống, không hợp nhau về tính cách, bất đồng ý kiến. Mâu thuẫn vợ chồng không có ai biết, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Ông bà đã sống ly thân từ đầu năm 2018 cho đến nay.

Về con chung: Trong thời gian chung sống ông bà có một người con chung là cháu Kim Hoàng Đ, sinh ngày 11 tháng 01 năm 20xx hiện đang sống chung với nguyên đơn.

Tại phiên tòa bà Kim Thị Đ yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Kim Thị Đ yêu cầu được ly hôn với ông Kim Hoàng Th.

Về con chung: Bà Đ yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Kim Hoàng Đ1 (nam), sinh ngày 11 tháng 01 năm 20xx cho đến khi cháu Đ1 đủ 18 tuổi và không yêu cầu ông Kim Hoàng Th thực hiện cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn ông Kim Hoàng Th: Sau khi thụ lý, Tòa án đã tóm tắt nội dung đơn khởi kiện và các yêu cầu của bà Kim Thị Đ tại Thông báo thụ lý vụ án số: 197/TB-TLVA, ngày 24 tháng 11 năm 2022 và đã tống đạt hợp lệ cho ông Kim Hoàng Th, cũng như đã triệu tập hợp lệ ông Kim Hoàng Th đến dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải hai lần và Tòa án đã Thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho ông. Nhưng ông Th không gửi văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện nêu trên của bà Đ và cũng không đến dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Đồng thời, Tòa án cũng ra quyết định đưa vụ án ra xét xử. Ông Th cũng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

* Tại phiên tòa Kiểm sát viên Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng trình bày ý kiến như sau: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự như: Xác định đúng thẩm quyền thụ lý vụ án, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, việc thu thập chứng cứ đúng theo quy định. Về thời hạn chuẩn bị xét xử được đảm bảo theo quy định. Về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, việc cấp tống đạt đảm bảo đúng theo quy định. Tại phiên Tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn là bà Kim Thị Đ thực hiện đúng theo quy định

của Bộ luật Tố tụng dân sự, riêng bị đơn là ông Kim Hoàng Th vắng mặt không có lý do là không thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc giải quyết vụ án: Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Kim Thị Đ, về việc yêu cầu xin ly hôn với ông Kim Hoàng Th và yêu cầu tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Kim Hoàng Đ1 (nam) sinh ngày 11 tháng 01 năm 20xx, đến tuổi trưởng thành và bà Đ không yêu cầu ông Th cấp dưỡng nuôi cháu Đ1. Nhận thấy các yêu cầu nêu trên của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận, về tài sản chung và nợ chung bà Đ tự trình bày không có nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo đơn khởi kiện lập ngày 08 tháng 11 năm 2022, nguyên đơn Kim Thị Đ yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bị đơn Kim Hoàng Th, sinh năm 19xx có địa chỉ tại số nhà A ấp B, xã PT, huyện CT, tỉnh Sóc Trăng. Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định việc Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm là đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền giải quyết vụ án.

[2] Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, nhưng bị đơn Kim Hoàng Th vẫn vắng mặt không rõ lý do. Tại phiên tòa, nguyên đơn Đ yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn Th. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn Th theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Đ và ông Th kết hôn với nhau là trên cơ sở tự nguyện, không ai ép buộc, được Ủy ban nhân dân xã LH, thị xã VC, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 04 tháng 12 năm 2012, nên quan hệ hôn nhân giữa bà Đ và ông Th là hợp pháp. Khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: "Vợ, chồng hoặc cả hai người có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn". Như vậy, bà Đ có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Th.

[4] Xét yêu cầu xin ly hôn của bà Đ, Hội đồng xét xử nhận thấy, sau khi kết hôn, bà Đ và ông Th cũng có thời gian chung sống hạnh phúc bên nhau từ năm 2012 đến tháng 3 năm 2018 và từ đó đến nay mâu thuẫn giữa ông bà đã trầm trọng không thể hàn gắn được và đã sống ly thân từ đó cho đến nay, tại phiên tòa bà Đ kiên quyết ly hôn với ông Th. Như vậy, bà Đ và ông Th đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của vợ chồng, đó là không thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không sống chung với nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích của hôn nhân cũng không đạt được. Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có quy định: "*Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được*". Do đó, yêu cầu xin ly hôn của bà Đ là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà Đ ly hôn với ông Th.

[5] Về con chung: Bà Kim Thị Đ yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Kim Hoàng Đ1, sinh ngày 11 tháng 01 năm 20xx cho đến khi cháu Đ1 đủ 18 tuổi. Hội đồng xét xử nhận thấy, từ khi ông Th và bà Đ sống ly thân cho đến nay Đ1 đều do bà Đ trực tiếp chăm sóc, cuộc sống của cháu đang ổn định, tâm lý về mọi mặt được đảm bảo và cháu hiện tại cũng được bà Đ cho đi học đầy đủ. Đồng thời tại biên bản ghi nhận ý kiến của cháu Đ1 thì cháu có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với mẹ. Từ những phân tích nêu trên Hội đồng xét xử căn cứ vào Khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có quy định: "*Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, quyền, nghĩa vụ của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án giải quyết giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con*" chấp nhận yêu cầu của bà Đ giao cháu Đ1 cho bà Đ được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu Đ1 đủ 18 tuổi.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con: Khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: "*Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con*". Đáng lẽ ra, ông Th là người không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, nhưng tại phiên tòa bà Đ trình bày hiện tại bà có việc làm ổn định và thu nhập trên 10.000.000 đồng một tháng đủ để lo cho cháu Đ1. Vì vậy, bà Đ không yêu cầu ông Th phải cấp dưỡng nuôi con. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Ngoài ra, Khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 còn quy định: "*Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở*". Như vậy, ông Th là người không

trực tiếp nuôi con nên có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[8] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Kim Thị Đ tự khai không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[9] Từ những phân tích trên, đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Kim Thị Đ và đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

[10] Về án phí sơ thẩm: Bà Đ là người xin ly hôn nên theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Đ phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, Điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 19, Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Khoản 3 Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Kim Thị Đ

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Kim Thị Đ và ông Kim Hoàng Th.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao con chung tên Kim Hoàng Đ1 (nam, sinh ngày 11 tháng 01 năm 20xx) hiện đang sống chung với bà Đ cho bà Kim Thị Đ trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu Đ1 đủ 18 tuổi.

2.2. Về cấp dưỡng nuôi con: Do các đương sự đều không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề này ra để xem xét.

2.3. Ông Th có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở ông Th thực hiện quyền này, theo quy định tại Khoản 3 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Kim Thị Đ tự khai không có, nên Hội

đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Đ phải chịu là 300.000 đồng án phí ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0005726 ngày 15/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng. Bà Đ đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND H. Châu Thành, TST;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- UBND xã LH, TX. VC, TST;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Thị Kim Huệ